

PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 97/2010/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 21 tháng 9 năm 2010

NGHỊ ĐỊNH

Xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009 (sau đây gọi chung là Luật Sở hữu trí tuệ);

Căn cứ Luật Cảnh tranh ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 7 năm 2002; Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính ngày 02 tháng 4 năm 2008 (sau đây gọi chung là Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính);

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về các hành vi vi phạm, hình thức xử phạt, mức phạt, biện pháp khắc phục hậu quả; thủ tục nộp đơn yêu cầu xử lý vi phạm; thẩm quyền,

thủ tục giải quyết đơn yêu cầu xử lý vi phạm; thẩm quyền, thủ tục xử phạt và thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tổ chức, cá nhân Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài có hành vi vi phạm quy định quản lý nhà nước về sở hữu công nghiệp, xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc cạnh tranh không lành mạnh về sở hữu công nghiệp xảy ra tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân khác có liên quan trong quá trình xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.

Điều 3. Hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả

1. Mỗi hành vi vi phạm hành chính chỉ bị áp dụng một hình thức xử phạt chính là cảnh cáo hoặc phạt tiền:

a) Phạt cảnh cáo được áp dụng đối với hành vi vi phạm thuộc trường hợp quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và quy định tại điều khoản tương ứng của Nghị định này cho phép áp dụng hình thức xử phạt cảnh cáo đối với hành vi vi phạm đó;

b) Phạt tiền được áp dụng theo khung tiền phạt quy định đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính quy định tại điều khoản tương ứng của Nghị định này, mức phạt tối đa là 500.000.000 đồng.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn có thể bị áp dụng một hoặc các hình thức xử phạt bổ sung sau đây:

a) Tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, bao gồm hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; nguyên liệu, vật liệu, phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý; tem, nhãn, bao bì, vật phẩm khác mang yếu tố vi phạm; phương tiện kinh doanh, gồm cả phương tiện dịch vụ, phương tiện quảng cáo có chứa yếu tố vi phạm; văn bằng bảo hộ, giấy chứng nhận hoặc tài liệu khác bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc giả mạo;

b) Tước quyền sử dụng có thời hạn hoặc không thời hạn chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện sở hữu công nghiệp; thẻ giám định viên; giấy chứng nhận tổ chức đủ điều kiện hành nghề giám định;

c) Đình chỉ có thời hạn hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ vi phạm.

3. Ngoài các hình thức xử phạt chính, hình thức xử phạt bổ sung, tổ chức, cá nhân vi phạm còn có thể bị buộc áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

a) Buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa, phương tiện kinh doanh; buộc loại bỏ thông tin, chỉ dẫn về hàng hóa, dịch vụ vi phạm trên phương tiện kinh doanh, kể cả phương tiện quảng cáo, mạng điện tử hoặc thay đổi, thu hồi tên miền, tên doanh nghiệp chứa yếu tố vi phạm;

b) Buộc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp; nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của chủ thể quyền sở hữu công nghiệp;

c) Buộc đưa ra khỏi lãnh thổ Việt Nam đối với hàng hóa quá cảnh xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp hoặc buộc tái xuất đối với hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý, phương tiện, nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu được sử dụng chủ yếu để sản xuất, kinh doanh hàng hóa giả mạo nhãn hiệu hoặc chỉ dẫn địa lý sau khi đã loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hóa;

d) Buộc tiêu hủy yếu tố vi phạm, hàng hóa, tang vật, phương tiện vi phạm không loại bỏ được yếu tố vi phạm hoặc hàng hóa vi phạm gây hại cho sức khỏe con người, vật nuôi, cây trồng và môi trường; tem, nhãn, bao bì, vật phẩm khác mang yếu tố vi phạm;

đ) Buộc sửa đổi, bổ sung chỉ dẫn về sở hữu công nghiệp;

e) Buộc cải chính công khai đối với các hành vi chỉ dẫn sai về quyền sở hữu công nghiệp;

g) Buộc thu hồi tang vật, phương tiện vi phạm bị tẩu tán;

h) Thu hồi về ngân sách nhà nước số tiền thu lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm hành chính mà có.

4. Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ quy định tại các điều 8, 9 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính và các tình tiết giảm nhẹ sau đây:

a) Vi phạm lần đầu với quy mô nhỏ;

b) Vi phạm do không biết và không có căn cứ để biết về tình trạng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp có liên quan.

5. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp theo quy định tại Điều 10 Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

Điều 4. Xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm

1. Việc định giá hàng hóa là tang vật, phương tiện vi phạm để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt do người có thẩm quyền xác định theo các căn cứ và nguyên tắc quy định tại Điều 34 Nghị định số 128/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2008 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Xử lý vi phạm hành chính.

2. Trường hợp không áp dụng được các căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này để định giá hàng hóa, dịch vụ vi phạm làm cơ sở xác định khung tiền phạt hoặc để xác định số tiền thu lợi bất hợp pháp do thực hiện hành vi vi phạm mà có, thì người có thẩm quyền xử phạt xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm dựa trên số lượng hàng hóa, khối lượng dịch vụ vi phạm đã được sản xuất, bán, vận chuyển hoặc cung cấp ghi trên hóa đơn thanh toán, hợp đồng, đơn đặt hàng, giấy tờ giao nhận hàng hóa, phiếu xuất kho, phiếu nhập kho, phiếu nhập hàng, phiếu xuất hàng, tờ khai nhập khẩu hàng hóa, giấy tờ khai báo với cơ quan có thẩm quyền và giá hàng hóa, dịch vụ vi phạm ghi trên tài liệu tương ứng. Nếu tài liệu tương ứng không ghi giá thì dựa trên tài liệu khác có ghi giá hàng hóa, dịch vụ vi phạm, gồm cả thư báo giá, tài liệu giới thiệu sản phẩm, quảng cáo hàng hóa, dịch vụ vi phạm.

3. Giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm phát hiện được và các tài liệu, căn cứ xác định giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm phải được ghi rõ trong biên bản vi phạm hành chính và lưu giữ trong hồ sơ vụ việc.

4. Trường hợp không xác định được giá trị hàng hóa, dịch vụ vi phạm theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này thì việc phạt tiền tuân theo quy định tại khoản 13 Điều 10, khoản 12 Điều 11, khoản 11 Điều 12, khoản 8 Điều 14 Nghị định này.

Chương II**HÀNH VI VI PHẠM BỊ XỬ PHẠT HÀNH CHÍNH****Mục 1****VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG
SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP**

Điều 5. Vi phạm quy định về thủ tục xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xóa văn bằng bảo hộ hoặc tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp;

b) Lợi dụng thủ tục xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp để thực hiện hành vi xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân khác.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi cung cấp thông tin, chứng cứ sai lệch trong quá trình thực hiện một trong các thủ tục sau đây:

a) Tiến hành các thủ tục xác lập, công nhận, chứng nhận, sửa đổi, duy trì, gia hạn, yêu cầu chấm dứt, hủy bỏ hiệu lực văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

b) Đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ra quyết định bắt buộc chuyển giao quyền sử dụng sáng chế;

c) Khiếu nại, tố cáo trong thủ tục xác lập, thực hiện và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp;

d) Yêu cầu chấm dứt vi phạm, yêu cầu xử lý hành vi vi phạm, yêu cầu giám định sở hữu công nghiệp, thực hiện yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền trong việc giải quyết tranh chấp, xử lý vi phạm về sở hữu công nghiệp.

3. Phạt tiền từ 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có hành vi giả mạo giấy tờ trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Hình thức xử phạt bổ sung: tịch thu giấy tờ, tài liệu, văn bằng bảo hộ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu công nghiệp bị sửa chữa, tẩy xóa hoặc giả mạo đối với các hành vi quy định tại điểm a khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này.

Điều 6. Vi phạm quy định về chỉ dẫn bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức, cá nhân có một trong các hành vi sau đây:

a) Chỉ dẫn sai về đối tượng, yếu tố được bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, chủ thể quyền sở hữu công nghiệp, tác giả sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, thiết kế bố trí;

b) Chỉ dẫn sai về tình trạng pháp lý, phạm vi bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp;

c) Chỉ dẫn sai hoặc không ghi chỉ dẫn về hàng hóa được sản xuất theo hợp đồng sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp (chỉ dẫn về li-xăng).